

NHẬN ĐỊNH VỀ MỘT SỐ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH: ĐỊNH HƯỚNG Củng CỐ, PHÁT TRIỂN GIA ĐÌNH VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Trần Kim Ngọc

Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: tkngoc@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/7/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 02/8/2023; Ngày duyệt đăng: 07/9/2023

Tóm tắt

Trên cơ sở phân tích các nguồn tư liệu có liên quan, bài viết đưa ra một số nhận định về xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình ở Việt Nam hiện nay như: tuổi kết hôn lần đầu của thanh niên có xu hướng tăng cao, quan niệm sinh con theo giá trị gia đình truyền thống đang dần bị thay thế bởi luồng tư tưởng hiện đại, phụ nữ kết hôn với người nước ngoài cũng có xu hướng gia tăng và những hệ lụy từ sự biến đổi đó. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách để củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại.

Từ khóa: *Gia đình, hôn nhân, xu hướng biến đổi.*

COMMENTARY ON THE TRENDS OF CHANGING MARRIAGE AND FAMILY: ORIENTATIONS FOR THE DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION OF THE MODERN VIETNAMESE FAMILY

Tran Kim Ngoc

Faculty of Culture Tourism and Social Work, Dong Thap University, Vietnam

Email: tkngoc@dthu.edu.vn

Article history

Received: 13/7/2023; Received in revised form: 02/8/2023; Accepted: 07/9/2023

Abstract

Based on the analysis of relevant sources, the article makes some comments on the current trend of changing marriage and family in Vietnam such as the age of first marriage among young people which is tending to rise. The perception of giving birth according to traditional family values is gradually being replaced by modern thought. Cases of cross border-marriage is likely rising and showing the consequences of the changes. The Party and Government have adopted many policies to strengthen and develop the contemporary Vietnamese family.

Keywords: *Family, marriage, trends of changing.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1226>

Trích dẫn: Trần, K. N. (2023). Nhận định về một số xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình: Định hướng củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(1), 108-113. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1226>.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên qua, Việt Nam đã trải qua nhiều biến đổi mạnh mẽ về kinh tế - xã hội và những thay đổi đó đã tác động đáng kể đến sự hình thành mối quan hệ hôn nhân và gia đình trên nhiều khía cạnh khác nhau. Một mặt, xuất hiện những quan điểm cởi mở hơn về hôn nhân và gia đình tạo nên sự độc lập về kinh tế cho cả nam và nữ, vị thế người phụ nữ được nâng lên, quan hệ trong gia đình ngày càng bình đẳng và dân chủ. Mặt khác, những tác động của quá trình toàn cầu hóa, công nghiệp hóa cũng tạo ra nhiều thách thức mới đối với mối quan hệ hôn nhân và gia đình như: tuổi kết hôn lần đầu của thanh niên có xu hướng tăng cao, quan niệm sinh con theo giá trị gia đình truyền thống dần bị xem nhẹ, gia tăng những cuộc hôn nhân xuyên quốc gia. Nhận thức được sự biến đổi là xu hướng tất yếu của thời đại, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách nhằm củng cố, phát triển gia đình Việt Nam trong thời đại mới.

Bài viết được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu thông tin, kiến thức liên quan đến sự biến đổi quan hệ hôn nhân và gia đình Việt Nam từ các nguồn như chính sách của Đảng và Nhà nước, sách và các công trình nghiên cứu, báo cáo từ các hội nghị và hội thảo,... Mong muốn cung cấp cho người đọc những phân tích về nhận định xu hướng biến đổi trong hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện tại cùng với những hệ lụy từ sự biến đổi đó, giới thiệu một số chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm củng cố và phát triển gia đình Việt Nam đương đại.

2. Nhận định về một số xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình ở Việt Nam

2.1. Tuổi kết hôn lần đầu của thanh niên có xu hướng tăng cao

Căn cứ tại Khoản a Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về điều kiện kết hôn “Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên”, tuy nhiên theo số liệu Tổng điều tra Dân số ở Việt Nam năm 2009 cho thấy tuổi kết hôn trung bình lần đầu là 24,5 tuổi, trong đó nam giới là 26,2 tuổi và nữ giới là 22,8 tuổi, chênh lệch khoảng 3,4 năm (so với năm 1999 thì năm 2009 tăng khoảng 0,6 tuổi). Năm 2019, tuổi kết hôn trung bình lần đầu là 25,2 tuổi, tăng 0,7 tuổi so với năm 2009, trong đó nam giới kết hôn muộn hơn nữ giới 4,1 năm (tương ứng là 27,2 tuổi và 23,1 tuổi) (Tổng cục Thống kê, 2019). Như vậy, chỉ sau 20 năm tuổi kết hôn lần đầu của cả nam và

nữ tăng trung bình 1,3 tuổi. Tuổi kết hôn lần đầu của nam và nữ có xu hướng tăng cao so với quy định của pháp luật được lí giải bởi với sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Để có được một nghề nghiệp vững chắc đảm bảo về kinh tế thì con người cần phải có tri thức và kinh nghiệm thực tiễn. Mất khá nhiều thời gian con người mới có được điều này nên họ chậm kết hôn.

Mặt khác khi tỷ lệ phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động ngày càng tăng cũng dẫn đến việc chậm kết hôn ở phụ nữ. Theo số liệu được báo cáo vào tháng 3 năm 2021 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), “Phụ nữ Việt Nam tham gia lực lượng lao động với tỷ lệ cao hơn mức trung bình của toàn cầu và khu vực. Năm 2019, 70,9% phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi lao động tham gia lực lượng lao động, tỷ lệ tương ứng ở cấp độ toàn cầu là 47,2%, và tỷ lệ ở Châu Á - Thái Bình Dương thậm chí còn thấp hơn, ở mức 43,9%” (Barcucci & cs., 2021). Việc tham gia vào thị trường lao động giúp phụ nữ nhận thấy rằng, địa vị trong gia đình gắn liền với nghề nghiệp và địa vị xã hội nên họ chậm kết hôn, dùng nhiều thời gian để củng cố nghề nghiệp và địa vị xã hội.

Sự phát triển khác nhau về kinh tế và văn hóa cũng dẫn đến độ tuổi kết hôn khác nhau của cả nam và nữ. Lối giải thích này còn được minh chứng bởi tuổi kết hôn lần đầu ở thành thị (26,4) cao hơn nông thôn (24,5) đối với cả nam giới và nữ giới (cụ thể năm 2019 là 28,1 tuổi (nam) và 24,8 tuổi (nữ) ở thành thị so với 26,7 tuổi (nam) và 22,1 tuổi (nữ) ở nông thôn; con số của năm 2009 là 27,7 tuổi (nam) và 24,4 tuổi (nữ) ở thành thị so với 25,6 tuổi (nam) và 22,0 tuổi (nữ) ở nông thôn) (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2019). Ở những nơi có mức sống cao, kinh tế phát triển thì cả nam lẫn nữ thường phải chịu nhiều áp lực về kinh tế hơn nên họ có xu hướng dành nhiều thời gian hơn để học tập, xây dựng và phát triển nghề nghiệp của bản thân trước khi nghĩ đến việc kết hôn.

Khuynh hướng kết hôn trễ làm cho việc chung sống và quan hệ nam nữ trước khi kết hôn sẽ xuất hiện và được coi như một phương thức bổ sung tạo sự thăng bằng tương đối về mặt tâm lý và sinh lý. Đồng thời giúp họ có được những suy nghĩ tương đối đầy đủ cả về cảm tính lẫn lý tính trong việc lựa chọn đối với hôn nhân và cuộc sống gia đình. Sự thể nghiệm tình cảm của họ cũng làm suy yếu sự can thiệp từ bên ngoài của gia đình và xã hội, điều này cho thấy nam nữ có sự bình đẳng cả về quan điểm lẫn hành

động. Tuy nhiên, việc nam nữ chung sống trước hôn nhân làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như: sinh con trước hôn nhân, nạo phá thai, các bệnh lây truyền qua đường tình dục,... dẫn đến việc phá vỡ các giá trị truyền thống trong hôn nhân, xuất hiện nhiều hơn những đứa trẻ thiếu cha hoặc mẹ, cuộc sống hôn nhân thật sự khó khăn hơn cho những người trong cuộc bởi sự nghi kỵ lẫn nhau hoặc từ các vấn đề về sức khỏe sinh sản (khó sinh con do những lần phá thai trước đó) hay sức khỏe tình dục (các bệnh lây truyền qua đường tình dục).

Trong tương lai có thể dự đoán tuổi kết hôn của thanh niên Việt Nam sẽ ngày càng tăng. Khi độ tuổi kết hôn tăng, thì độ tuổi sinh con lần đầu của người phụ nữ tăng theo, từ đó, nhiều vấn đề về sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em có thể xảy ra. Việc sinh con muộn sau tuổi 35 có thể khiến mẹ và thai nhi gặp những rủi ro như: mẹ có thể gặp các biến chứng khi sinh, trẻ có thể bị nhẹ cân, sinh sớm (sinh non), thậm chí trẻ có nguy cơ mắc hội chứng Down cao hơn,...

2.2. Quan niệm sinh con theo giá trị gia đình truyền thống đang có xu hướng biến đổi

Quan niệm coi việc sinh con là mục đích chủ yếu của hôn nhân đã từng là tâm lý chung của nhiều dân tộc trên thế giới, bởi chế độ tư hữu đã quyết định mục đích của việc sinh con là để kế thừa. Con cái sẽ thừa kế gia sản của gia đình để tài sản gia đình được tích lũy không ngừng qua nhiều thế hệ, qua đó dòng họ được củng cố. Mặt khác, do hệ thống an sinh xã hội thời trước chưa phát triển hoàn thiện nên việc sinh con trong hôn nhân còn là một sự cam kết cho tuổi già với tư tưởng “trẻ cậy cha, già cậy con” làm cho việc kết hôn và sinh con luôn gắn liền với nhau. Bên cạnh đó, quan niệm sinh con để nối dõi tông đường bắt nguồn sâu xa từ phong tục, tập quán, truyền thống Nho giáo, Phật giáo cách đây hàng nghìn năm cũng chi phối mạnh mẽ đến mục đích sinh con của hôn nhân. Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tổng tỷ suất sinh (TFR) của Việt Nam thấp hơn so với TFR trung bình của các nước Đông Nam Á, tương ứng là 2,09 con/phụ nữ so với 2,2 con/phụ nữ. Trong ba thập kỷ qua, TFR của Việt Nam đã giảm đáng kể, từ 3,80 con/phụ nữ năm 1989 xuống còn 2,09 con/phụ nữ năm 2019. Tương ứng, tại khu vực nông thôn, TFR giảm từ 4,26 con/phụ nữ xuống còn 2,26 con/phụ nữ; khu vực thành thị giảm từ 2,30 con/phụ nữ xuống 1,83 con/phụ nữ (Tổng cục Thống kê, 2021).

Sự phát triển kinh tế, xã hội cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm thay đổi phương thức tư duy và lối sống của con người. Hệ thống an sinh xã hội phát triển mạnh mẽ, người cao tuổi có thể được chăm sóc tốt bởi các dịch vụ xã hội nên sự cam kết trong quản lý “rủi ro” cho tuổi già bởi con cái không còn mạnh mẽ như trước. Hiện tại, thế hệ trẻ không bị bó buộc bởi ý tưởng rằng gia đình cần phải có nhiều con để chăm lo cho cha mẹ, họ đi tìm lối sống tự chủ, tự lập và không ngừng chống lại quan niệm kế thừa truyền thống. Do đó, việc sinh con và kế thừa đã dần dần tách xa nhau, sinh con không còn là mục đích chủ yếu của hôn nhân.

Ngoài ra, quan niệm sinh con còn chịu ảnh hưởng của những nguyên nhân khác. Sự cởi mở với tăng trưởng dựa trên thị trường và các chính sách phát triển đã dẫn tới chuẩn sống tăng - nhưng đồng thời cũng khiến thế hệ trẻ tiếp cận nhiều hơn với các giá trị vật chất. Người Việt trẻ đang đắm chìm trong hoạt động giao lưu xã hội trực tuyến và dành trung bình 2,5 giờ cho mạng xã hội mỗi ngày (Kepios, 2019). Mạng xã hội thu hút đem lại một thách thức đối với giới trẻ, đặc biệt là những người xuất thân từ các gia đình có thu nhập thấp bởi sự khoe khoang giàu có trên mạng xã hội. Khi có nhiều ham muốn vật chất hơn, hôn nhân thường được định hướng bởi “những thứ vật chất”. Thanh niên ngày càng xem trọng việc thành công và hưởng thụ của cá nhân nên họ không muốn có con cái.

Việc cạnh tranh để ổn định cuộc sống ngày càng gay gắt, giới trẻ luôn mơ ước về các công việc giúp họ có mức lương khá và ổn định cùng với phúc lợi phù hợp nhưng biến mơ ước thành hiện thực có vẻ không dễ dàng. Kết hôn và sinh con thì áp lực phải có sự ổn định về tài chính để đảm bảo rằng họ có thể chăm lo cho bạn đời và gia đình càng nặng nề hơn. Xét về vấn đề giới, hiện tại và tương lai khả năng kinh tế và địa vị xã hội của người phụ nữ ngày một tăng lên cũng ảnh hưởng đến quyền quyết định sinh con và số con của họ.

2.3. Phụ nữ kết hôn với người nước ngoài có xu hướng gia tăng

Với xu thế hội nhập ngày nay, xã hội Việt Nam đã có nhiều thay đổi với nhiều vấn đề mới phát sinh, trong đó có vấn đề hôn nhân xuyên quốc gia mà điển hình là tình trạng phụ nữ Việt lấy chồng nước ngoài có xu hướng gia tăng, tập trung chủ yếu ở một số

quốc gia như: Đài Loan, Hàn Quốc. Theo báo cáo của Bộ Gia đình và Bình đẳng giới Hàn Quốc công bố ngày 28/2/2018, hơn 73% số phụ nữ nước ngoài làm dâu tại Hàn Quốc trong giai đoạn 2014-2016 là người Việt Nam. Hiện có khoảng 40.000 phụ nữ Việt Nam đang làm dâu tại Hàn Quốc (Huyền, 2019). Kết hôn với người Đài Loan cũng là một lựa chọn phổ biến của các cô dâu Việt và thực tế này đã diễn ra từ nhiều năm nay. Theo Bộ Nội vụ Đài Loan, chỉ tính riêng trong năm 2017 đã có 6.075 phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan. Theo số liệu công bố vào tháng 8/2017, số cô dâu Việt ở Đài Loan là hơn 98.000 người, chiếm 62,9% tổng số cô dâu ngoại quốc tại Đài Loan (Vietnam+, 2018). Thực tế cho thấy nhận thức của con người đối với việc yêu đương và hôn nhân đã có sự đột phá về giới hạn không gian và thực hiện vượt qua cả giới hạn văn hóa. Hôn nhân xuyên quốc gia có xu hướng tăng lên, bởi nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất là do sự hợp tác giữa các nền kinh tế, sự xâm nhập và tiếp xúc giữa các nền văn hóa. Đầu tiên phải kể đến là việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gắn với phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Năm 2005, khu vực FDI đóng góp 15,16% tăng dần đến 20,35% trong tăng trưởng GDP vào năm 2019 (Đỗ, 2021). Kế đến là hoạt động xuất khẩu lao động, từ lâu Việt Nam đã đưa xuất khẩu lao động thành hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, tăng thu ngoại tệ cho đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế, thể hiện qua hàng loạt văn bản pháp luật. Giai đoạn 2012 - 2019, số người đi xuất khẩu tăng bình quân hơn 21% mỗi năm, thậm chí gấp đôi trong 5 năm. Hai năm đại dịch Covid khiến lượng người đi sụt giảm, song lập tức khôi phục khi các nước mở cửa trở lại. Trong bảy tháng đầu năm 2022, Việt Nam đưa đi được hơn 41.000 lượt lao động, mục tiêu dự kiến cả năm là 90.000 (Hồng, 2022).

Sự hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và các nước thông qua hoạt động thu hút vốn FDI và xuất khẩu lao động có xu hướng tăng trong quá khứ lần tương lai đã tạo điều kiện cho sự giao thoa giữa các nền văn hóa, người Việt Nam và công dân các nước có điều kiện giao tiếp, làm việc với nhau và đó cũng là điều kiện để họ tìm hiểu và kết hôn. Ngoài ra, việc giao lưu văn hóa giữa các quốc gia thông qua các hội

chợ thương mại, hoạt động giao thương hàng hóa, du lịch đến các tác phẩm phim ảnh, văn học, nghệ thuật, ... cũng làm người dân Việt và người dân các nước hiểu và yêu thích các nền văn hóa của nhau. Bên cạnh đó, việc phát triển công nghệ thông tin mạnh mẽ, phủ sóng internet rộng khắp đã giúp những người con xa xứ thuận tiện trong kết nối, trò chuyện với người thân quê nhà. Việc xa nhau về khoảng cách địa lý không còn là một trở ngại lớn trong lựa chọn bạn đời để kết hôn.

Thứ hai là sự chênh lệch về mức sống vật chất giữa các quốc gia, nhiều cô gái Việt muốn đổi đời thông qua việc tìm kiếm một người chồng ngoại quốc. Theo số liệu thống kê cho thấy, có tới 78% số phụ nữ kết hôn với người nước ngoài là có hoàn cảnh gia đình nghèo khó, trình độ học vấn thấp và thất nghiệp (Phuong, 2020). Việc lấy chồng người nước ngoài một cách vội vã, thông qua môi giới khiến hôn nhân không hạnh phúc, rủi ro với cô dâu Việt vẫn thường xuyên diễn ra (do bước đầu thiếu chuẩn bị, liều lĩnh và bất chấp). Tuy nhiên, cho đến nay mức độ hài lòng của thân nhân về hôn nhân của con gái là khá cao, vai trò đóng góp của cô dâu trong phát triển kinh tế hộ cũng được ghi nhận (Trần & cs., 2017). Đó cũng là lí do mà các cuộc hôn nhân xuyên quốc gia trong tương lai vẫn còn tiếp diễn và cũng nảy sinh nhiều vấn đề xã hội mới như: hôn nhân xuyên quốc gia mang đậm màu sắc tạm bợ, vụ lợi và tỷ lệ ly hôn cao (do khác biệt về ngôn ngữ, tập quán sinh hoạt) dẫn đến những tranh chấp về kinh tế, pháp luật.

3. Định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại

Tầm quan trọng của gia đình và giá trị của gia đình đối với mỗi cá nhân và quốc gia, dân tộc đã được Đảng ta khẳng định qua các kỳ Đại hội luôn đặt gia đình ở một vị trí ngang tầm với dân tộc và thời đại. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nêu rõ: "Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh". Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định: "Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới". Ngày 24/6/2021, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia

đình trong tình hình mới", nêu rõ: "Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước".

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030", đưa ra nội dung khuyến khích nam, nữ thanh niên kết hôn trước tuổi 30, sớm sinh con; phụ nữ sinh con thứ 2 trước 35 tuổi. Đây là một trong các nhiệm vụ địa phương cần thực hiện, nhằm duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên toàn quốc (trung bình phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2 đến 2,2 con). Chính phủ yêu cầu các địa phương nghiên cứu biện pháp hỗ trợ, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con. Tỉnh, thành có mức sinh thấp cần tăng mức sinh; giảm ở nơi có mức sinh cao. Các tỉnh, thành đã đạt mức sinh thay thế cần duy trì kết quả này. Địa phương đã đạt mức sinh thay thế và có mức sinh thấp cần vận động người dân tập trung vào lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc chậm kết hôn, sinh con quá muộn, sinh ít con đối với phát triển kinh tế, xã hội, chăm sóc bố mẹ khi về già.

Thông qua đó khuyến khích các địa phương mở rộng chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn; đồng ý bãi bỏ quy định của tổ chức, cơ quan, cộng đồng liên quan đến mục tiêu giảm sinh, sinh con thứ ba trở lên tại những vùng đang có mức sinh thấp với mục đích nâng mức sinh để đạt mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ) (chỉ áp dụng ở nơi có mức sinh thấp, không phải trên toàn quốc). Địa phương có mức sinh cao tiếp tục vận động người dân không sinh nhiều con và vẫn duy trì khẩu hiệu "Dừng lại ở hai con để nuôi, dạy cho tốt". Địa phương được thí điểm, nhân rộng hệ thống dịch vụ thân thiện với người lao động, như: đưa đón trẻ, trông trẻ, ngân hàng sữa mẹ, bác sĩ gia đình; chú trọng quy hoạch, xây dựng các điểm trông giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của cha mẹ, nhất là các khu kinh tế, công nghiệp, đô thị. Cặp vợ chồng sinh đủ hai con được hỗ trợ mua nhà ở xã hội, thuê nhà, ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em, xây dựng mô hình quản lý, phát triển kinh tế gia đình.

Để khuyến khích thanh niên kết hôn trước tuổi 30, các địa phương đang phát triển các mô hình câu lạc bộ kết bạn trăm năm; hỗ trợ thanh niên kết bạn; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn... Tại cuộc Họp báo Chính phủ ngày 05 tháng 5 năm 2020, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Trường Sơn nhận định: "Mục tiêu khuyến khích mỗi gia đình sinh đủ hai con, nuôi con khỏe mạnh, nhằm đảm bảo nguồn lao động, nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế đất nước thời gian tới" (Lê, 2020).

Nhận thức được việc công dân Việt kết hôn với người nước ngoài là kết quả tất yếu của quá trình hội nhập. Vì vậy, Đảng và Nhà nước không cấm công dân kết hôn với người nước ngoài, đảm bảo quyền kết hôn của mọi người dân. Tuy nhiên, việc phụ nữ kết hôn với người nước ngoài cũng có thể gây ra những hệ quả tiêu cực, đặc biệt là những cuộc hôn nhân không xuất phát từ tình yêu hoặc thiếu sự chuẩn bị. Chỉ thị số 03/2005/-Ttg ngày 25/2/2005 về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị: "Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp cần nhận thức sâu sắc rằng tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài là một vấn đề liên quan đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, trật tự xã hội, đối ngoại. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan nói trên cần tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan và địa phương có liên quan để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời tổ chức, cá nhân sai phạm, chấm dứt ngay tình trạng môi giới kết hôn bất hợp pháp", nhằm khắc phục những biểu hiện tiêu cực và những vấn đề xã hội phát sinh từ những cuộc hôn nhân xuyên quốc gia vì lợi ích kinh tế hơn là mong muốn gia đình hạnh phúc. Với việc làm lành mạnh hóa các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Đảng và Nhà nước đã bồi đắp và lan tỏa hệ giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

4. Kết luận

Dù có những xu hướng biến đổi trong quan hệ hôn nhân và gia đình như những phân tích ở trên nhưng việc xây dựng gia đình hạnh phúc luôn là mục tiêu hướng đến của tất cả mọi người. Điều cần thiết là phải biết tiếp thu một cách có chọn lọc các tinh hoa,

giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại đồng thời bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống quý báu và cải biến, loại bỏ những giá trị cũ không còn phù hợp. Nếu thực hiện tốt được điều đó thì gia đình Việt Nam sẽ có cơ hội để phát triển theo xu hướng bình đẳng, tiến bộ, ấm no và hạnh phúc.

Gia đình là tế bào của xã hội, con người là hạt nhân của gia đình nên xây dựng con người thông qua giáo dục gia đình chính là yếu tố then chốt: chuẩn bị cơ sở đầu tiên cho trẻ hướng thiện (cái đúng, cái tốt, cái đẹp), sống trung thực, biết tự trọng, có lòng nhân ái,...; giúp trẻ biết tự định hướng trong các quan hệ với xung quanh (ba mẹ, anh chị em,...) chống thói ích kỷ, vô tình,...; giúp trẻ ảnh hưởng sâu sắc văn hóa dân tộc; rèn luyện trẻ có thói quen cần cù, yêu lao động, giúp đỡ người khác,... Xây dựng văn hóa gia đình và đưa văn hóa về tận gia đình: thông qua việc cha mẹ xây dựng trong gia đình tính dân chủ, tôn trọng tự do, bình đẳng, công bằng,... thì dù tương lai có nhiều biến đổi trong quan hệ hôn nhân và gia đình, con người vẫn có thể đạt được hạnh phúc trong chính gia đình của họ./.

Tài liệu tham khảo

- Barcucci, V., Cole, W., & Gammarano, R. (Ngày 04 tháng 3 năm 2021). Tóm tắt nghiên cứu Giới và thị trường lao động của Việt Nam, Báo cáo phân tích dựa trên số liệu Điều tra Lao động - Việc làm tháng 3 năm 2021. *Tổ chức Lao động Quốc tế*. Truy cập từ https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_774433.pdf.
- Đỗ, T. T. (19/9/2021). Đầu tư trực tiếp nước ngoài và vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. *Viện Chiến lược và Chính sách tài chính*. Truy cập từ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM205169.
- Hồng, C. (27/8/2022). Xuất khẩu lao động - 40 năm giải bài toán việc làm. *VnExpress*. Truy cập từ <https://vnexpress.net/xuat-khau-lao-dong-40-nam-giai-bai-toan-viec-lam-4503039.html>.
- Huyền, A. (02/9/2019). Tung bùng lễ hội văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc. *Vietnamnet.vn*. Truy cập từ <https://infonet.vietnamnet.vn/tung-bung-le-hoi-van-hoa-viet-nam-tai-han-quoc-14414.html>.
- Kepios. (15/02/2019). We are social vietnam 2019 | vietnam digital landscape 2019 report. *SlideShare*. Truy cập từ <https://www.slideshare.net/HoangDungQuy/we-are-social-vietnam-2019-vietnam-digital-landscape-2019-report>.
- Lê, H. (05/5/2020). Phấn đấu sinh đủ 2 con, chưa bỏ việc kỷ luật đảng viên sinh con thứ 3. *Thanh Niên online*. Truy cập từ <https://thanhnien.vn/phan-dau-sinh-du-2-con-chua-bo-viec-ky-luat-dang-vien-sinh-con-thu-3-post953043.html>.
- Phương, A. (06/3/2020). Mỗi năm Việt Nam có khoảng 18.000 công dân kết hôn với người nước ngoài. *Báo Dân Sinh*. Truy cập từ <https://baodansinh.vn/moi-nam-viet-nam-co-khoang-18000-cong-dan-ket-hon-voi-nguoi-nuoc-ngoai-20200306151117877.htm>.
- Tổng cục Thống kê. (Ngày 19 tháng 12 năm 2019). Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. *Tổng cục Thống kê*. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thực trạng và các yếu tố tác động đến mức sinh tại Việt Nam*. Hà Nội: Tổng cục Thống kê.
- Trần, T. P. H., Nguyễn, N. L., & Nguyễn, T. T. (31/8/2017).. Các yếu tố xã hội liên quan đến hôn nhân xuyên quốc gia. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (51) 116 – 129. Truy cập từ <https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/2797/1022>.
- Vietnam+. (Ngày 10 tháng 4 năm 2018). Hơn 6.000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan trong năm 2017. *Vietnam+*. Truy cập từ <https://www.vietnamplus.vn/hon-6000-phu-nu-viet-nam-lay-chong-dai-loan-trong-nam-2017/496442.vnp>.